

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8    CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH                      Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 407/2022/DS-ST

Ngày: 14/9/2022

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Thúy Minh.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Đoàn Văn Rỹ.

Bà Thái Thực Hiền.

*Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Ngọc Hiếu - Cán bộ Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Nga – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 161/2020/TLST-DS ngày 16/6/2020 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 285/2022/QĐXXST-DS ngày 04/8/2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 204/2022/QĐST-DS ngày 23/8/2022 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Ngân hàng Thương mại cổ phần A.

Trụ sở: 442 K, Phường N, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

1/Bà Lê Thị H, sinh năm: 1983

Theo giấy uỷ quyền số 398/UQ-QLN.20 ngày 20/5/2020.

( Có đơn xin vắng mặt)

2/ Bà K, sinh năm: 1987

Theo giấy uỷ quyền số 1277/UQ-QLN.22 ngày 04/7/2022.

(Có mặt)

**Bị đơn:** Bà Trần Thị Bảo L, sinh năm: 1983

Địa chỉ: 137/3A58 C, Phường H, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh

(Vắng mặt)

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện nộp ngày 27/5/2020, biên bản tự khai các ngày: 11/8/2020, 11/12/2020, biên bản về việc không tiến hành hoà giải các ngày: 10/12/2020; 24/11/2021 cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên toà đại diện nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng thương mại cổ phần A (viết tắt là ngân hàng) đã cấp tín dụng cho bà Trần Thị Bảo L theo Hợp đồng cấp tín dụng trả góp số SGN.CN.663.081117 ngày 08/11/2017, Thông báo lịch trả nợ vay ngày 08/11/2017, số tài khoản vay: 249512889, cụ thể: Số tiền vay là 85.000.000đ (tám mươi lăm triệu) đồng; thời hạn vay là 60 tháng (kể từ ngày 09/11/2017 đến ngày 08/11/2022); mục đích vay: tiêu dùng; lãi suất vay trong hạn là 12%/ năm (tính theo số tiền vay ban đầu); 23,61%/ năm (tính theo dư nợ thực tế); lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn, lãi suất phạt chậm trả lãi: 10%/ năm. Số tiền trả góp mỗi tháng (bao gồm nợ gốc và lãi) là 2.267.000đ ( hai triệu hai trăm sáu mươi bảy ngàn) đồng. Số tiền trả góp tháng cuối (bao gồm nợ gốc và lãi) là 2.247.000đ (hai triệu hai trăm bốn mươi bảy ngàn) đồng. Thanh toán hàng tháng vào ngày 8, ngày thanh toán cuối cùng của khoản vay (ngày đáo hạn của hợp đồng) vào ngày 08/11/2022.

Thực hiện hợp đồng ngân hàng đã giải ngân chuyển tiền vào tài khoản số 249512889 số tiền là 85.000.000đ (tám mươi lăm triệu) đồng, trong quá trình thực hiện hợp đồng bà Trần Thị Bảo L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên ngày 02/12/2019 ngân hàng đã Thông báo thu hồi nợ trước hạn, chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn sau 15 ngày kể từ ngày thông báo. Tính đến ngày 09/3/2020 bà Trần Thị Bảo L còn nợ ngân hàng các khoản sau: Vốn gốc là 67.996.000đ (sáu mươi bảy triệu chín trăm chín mươi sáu ngàn) đồng; lãi trong hạn là 11.305.000đ (mười một triệu ba trăm lẻ năm ngàn) đồng; Phạt chậm trả lãi là 849.608đ (tám trăm bốn mươi chín ngàn sáu trăm lẻ tám) đồng; lãi quá hạn là: 6.617.512đ (Sáu triệu sáu trăm mười bảy ngàn năm trăm mười hai) đồng. Tổng cộng: 86.768.120đ (tám mươi sáu triệu bảy trăm sáu mươi tám ngàn một trăm hai mươi) đồng. Tại biên bản tự khai ngày 11/12/2020 đại diện nguyên đơn rút yêu cầu đòi với phạt chậm trả 849.608đ (tám trăm bốn mươi chín ngàn sáu trăm lẻ tám) đồng.

Ngân hàng khởi kiện yêu cầu buộc bà Trần Thị Bảo L trả cho ngân hàng số nợ cụ thể: Vốn gốc là 67.996.000đ (sáu mươi bảy triệu chín trăm chín mươi sáu ngàn) đồng; lãi trong hạn là 11.305.000đ (mười một triệu ba trăm lẻ năm ngàn) đồng; lãi quá hạn tạm tính đến ngày 09/3/2020 là: 6.617.512đ (Sáu triệu sáu trăm mười bảy ngàn năm trăm mười hai) đồng; tiền lãi sẽ tiếp tục được phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng kể từ ngày 10/3/2020 đến ngày bà Trần Thị Bảo L trả dứt nợ. Bà L phải trả nợ theo thứ tự sau: vốn gốc, lãi quá hạn, lãi trong hạn. Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn bà Trần Thị Bảo L đã được Tòa án triệu tập và tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật. Tuy nhiên do bị đơn bà Trần Thị Bảo L vắng mặt nên Tòa án không thể thu được lời khai, tài liệu, chứng cứ và cũng không thể tiến hành hòa giải, đối chất được.

Tại phiên toà đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn bà K trình bày: Ngân hàng thương mại cổ phần A vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu cá nhân bà Trần Thị Bảo L mà không yêu cầu bất cứ cá nhân nào khác phải có trách nhiệm liên đới cùng bà L trả nợ, với số nợ cụ thể: Vốn gốc là 67.996.000đ (sáu mươi bảy triệu chín trăm chín mươi sáu ngàn)

đồng; lãi trong hạn là 11.305.000đ (mười một triệu ba trăm lẻ năm ngàn) đồng; lãi quá hạn tạm tính đến ngày 14/9/2022 là 67.248.764đ ( sáu mươi bảy triệu hai trăm bốn mươi tám ngàn bảy trăm sáu mươi bốn) đồng, tiền lãi sẽ tiếp tục được phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng kể từ ngày 15/9/2022 đến ngày bà Trần Thị Bảo L trả dứt nợ. Bà L phải trả nợ theo thứ tự sau: vốn gốc, lãi quá hạn, lãi trong hạn. Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 bà Trần Thị Nga phát biểu: Thẩm phán đảm bảo đúng quy định tại Điều 48, chưa đảm bảo Khoản 1 Điều 203 của Bộ luật tố tụng Dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng trong quá trình xét xử vụ án. Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn do phù hợp với quy định của bộ luật dân sự.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Xét đơn khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần A thì đây là vụ án dân sự “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, do bị đơn có nơi cư trú tại Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 36 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét về thủ tục tố tụng:

Tòa án đã triệu tập bà Trần Thị Bảo L nhiều lần để lấy lời khai và hòa giải nhưng bà L đều vắng mặt. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định tại các Điều 171, 172, 173, 174, 177, 179 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng bà L đều vắng mặt tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn bà Trần Thị Bảo L đến Tòa án để cung cấp lời khai, chứng cứ nhưng bị đơn vẫn cố tình vắng mặt nên đương sự này phải chịu mọi hậu quả pháp lý bất lợi (nếu có) do việc vắng mặt và không cung cấp tài liệu, chứng cứ.

Theo các tài liệu, chứng cứ Tòa án đã thu thập và lời khai của đại diện nguyên đơn tại các biên bản tự khai ngày 29/7/2020; 11/8/2020; 11/12/2020, Bảng tính lãi theo tài khoản (số tài khoản: 249512889) ngày 14/9/2022 thể hiện:

Căn cứ Hợp đồng cấp tín dụng trả góp số SGN.CN.663.081117 ngày 08/11/2017 (số tài khoản 249512889), Thông báo lịch trả nợ ngày 08/11/2017; Sao kê giao dịch Account vay ngày 20/5/2022 và Thông báo thu hồi nợ trước hạn ngày 02/12/2019, thì số tiền vay là 85.000.000 (tám mươi lăm triệu) đồng; thời hạn vay là 60 tháng (kể từ ngày 09/11/2017 đến ngày 08/11/2022); mục đích vay: tiêu dùng; lãi suất vay trong hạn là 12%/ năm (tính theo số

tiền vay ban đầu); 23,61%/ năm (tính theo dư nợ thực tế); lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn, lãi suất phạt chậm trả lãi: 10%/ năm. Số tiền trả góp mỗi tháng (bao gồm nợ gốc và lãi) là 2.267.000đ ( hai triệu hai trăm sáu mươi bảy ngàn) đồng. Số tiền trả góp tháng cuối (bao gồm nợ gốc và lãi) là 2.247.000đ (hai triệu hai trăm bốn mươi bảy ngàn) đồng. Thanh toán hàng tháng vào ngày 8, ngày thanh toán cuối cùng của khoản vay (ngày đáo hạn của hợp đồng) vào ngày 08/11/2022.

Thực hiện hợp đồng ngân hàng đã chuyển khoản số tiền vào tài khoản số 249512889 do bà L đứng tên tại ngân hàng thương mại cổ phần A. Đồng thời bà L cũng đã thanh toán được nhiều lần tiền vốn gốc và tiền lãi, cho ngân hàng thông qua số tài khoản 249512889, đến ngày 02/12/2019 thì vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ còn lại sang nợ quá hạn và thu hồi nợ trước hạn. Tính đến ngày 14/9/2022 thì bà L còn nợ ngân hàng số tiền vốn gốc là 67.996.000đ (sáu mươi bảy triệu chín trăm chín mươi sáu ngàn) đồng; lãi trong hạn là 11.305.000đ (mười một triệu ba trăm lẻ năm ngàn) đồng; lãi quá hạn tạm tính đến ngày 14/9/2022 là: 67.248.764đ (sáu mươi bảy triệu hai trăm bốn mươi tám ngàn bảy trăm sáu mươi bốn) đồng. Phạt chậm trả lãi là 849.608đ (tám trăm bốn mươi chín ngàn sáu trăm lẻ tám) đồng. Tổng cộng là 147.399.372đ (một trăm bốn mươi bảy triệu ba trăm chín mươi chín ngàn ba trăm bảy mươi hai) đồng. Do vậy có đủ cơ sở để xác định việc giao dịch giữa ngân hàng với bà L là có thật và các khoản nợ trên là có thật, yêu cầu khởi kiện của ngân hàng là có căn cứ cần chấp nhận giải quyết.

Xét về trách nhiệm trả nợ:

Căn cứ hợp đồng cấp tín dụng trả góp số SGN.CN.663.081117 ngày 08/11/2017 (số tài khoản 249512889), Thông báo lịch trả nợ ngày 08/11/2017; Sao kê giao dịch Account vay ngày 20/5/2022 và Thông báo thu hồi nợ trước hạn ngày 02/12/2019, thì số tiền vay là 85.000.000 (tám mươi lăm triệu) đồng; thời hạn vay là 60 tháng (kể từ ngày 09/11/2017 đến ngày 08/11/2022); mục đích vay: tiêu dùng; lãi suất vay trong hạn là 12%/ năm (tính theo số tiền vay ban đầu); 23,61%/ năm (tính theo dư nợ thực tế); lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn. Ngày 02/12/2019 bà L vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ còn lại sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 14/9/2022 bà Trần Thị Bảo L còn nợ ngân hàng các khoản sau: Vốn gốc là 67.996.000 (sáu mươi bảy triệu chín trăm chín mươi sáu ngàn) đồng; lãi trong hạn là 11.305.000 (mười một triệu ba trăm lẻ năm ngàn) đồng; Phạt chậm trả lãi là 849.608 (tám trăm bốn mươi chín ngàn sáu trăm lẻ tám) đồng; lãi quá hạn là: lãi quá hạn tạm tính đến ngày 14/9/2022 là: 67.248.764đ ( sáu mươi bảy triệu hai trăm bốn mươi tám ngàn bảy trăm sáu mươi bốn) đồng. Tổng cộng: 147.399.372đ (một trăm bốn mươi bảy triệu ba trăm chín mươi chín ngàn ba trăm bảy mươi hai) đồng. Tại phiên toà đại diện nguyên đơn bà K cũng khẳng định chỉ yêu cầu cá nhân bà Trần Thị Bảo L trả nợ, không yêu cầu bất cứ ai phải có trách nhiệm trả nợ liên đới với bà L. Đồng thời tại biên bản tự khai ngày 11/12/2020 đại diện nguyên đơn bà H cũng rút yêu cầu đòi với khoản tiền phạt chậm trả 849.608 (tám trăm bốn mươi chín ngàn sáu trăm lẻ tám) đồng. Xét việc thay đổi yêu cầu này có căn cứ và có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét thấy yêu cầu bà Trần Thị Bảo L có trách nhiệm thanh toán khoản tiền vốn gốc và tiền lãi phát sinh của Ngân hàng thương mại cổ phần A là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 nên có căn cứ cần chấp nhận.

Buộc bà Trần Thị Bảo L có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần A số tiền nợ gốc là 67.996.000đ (sáu mươi bảy triệu chín trăm chín mươi sáu ngàn) đồng và tiền lãi phát sinh đến ngày xét xử là 78.553.764đ (bảy mươi tám triệu năm trăm năm mươi ba ngàn bảy trăm sáu mươi bốn) đồng. Tổng cộng là 146.549.764đ (một trăm bốn mươi sáu triệu năm trăm bốn mươi chín ngàn bảy trăm sáu mươi bốn) đồng, tiền lãi sẽ tiếp tục phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng cho đến ngày bà Trần Thị Bảo L trả dứt nợ. Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[3] Về án phí:

Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Luật phí, lệ phí và nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 thì bà Trần Thị Bảo L phải chịu toàn bộ án phí .

Ngân hàng thương mại cổ phần A không phải chịu án phí được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Điều 463, khoản 1 Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Các điều 26, 35, 36, 39, 147, 171, 172, 173, 174, 177, 179, 227, 228, 238, 266, 269, 271, 273, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Các điều 2, 91, 95 của Luật các tổ chức tín dụng;
- Luật thi hành án dân sự;
- Căn cứ Luật phí, lệ phí;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

1. Tuyên xử vắng mặt đối với bà Trần Thị Bảo L.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn là Ngân hàng thương mại cổ phần A. Buộc bà Trần Thị Bảo L có trách nhiệm thanh toán cho ngân hàng số tiền vốn gốc là 67.996.000đ (sáu mươi bảy triệu chín trăm chín mươi sáu ngàn) đồng và tiền lãi phát sinh đến ngày xét xử là 78.553.764đ (bảy mươi tám triệu năm trăm năm mươi ba ngàn bảy trăm sáu mươi bốn) đồng. Tổng cộng là 146.549.764đ (một trăm bốn mươi sáu triệu năm trăm bốn mươi chín ngàn bảy trăm sáu mươi bốn) đồng. Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Án phí :

Án phí dân sự sơ thẩm là 7.327.488đ ( bảy triệu ba trăm hai mươi bảy ngàn bốn trăm tám mươi tám) đồng bà Trần Thị Bảo L phải chịu. Nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8.

Ngân hàng thương mại cổ phần A được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.170.000 (Hai triệu một trăm bảy mươi ngàn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0043736 ngày 08/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hoặc nhận được bản án hay bản án được niêm yết tại địa phương nơi cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân TP Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q8;
- Chi cục THA DS Q8;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**Trần Thị Thúy Minh**